



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 01–50 : 2011/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG**

National Technical Regulation on Seed Quality of Three Line Hybrid Rice

HÀ NỘI - 2011

QCVN 01–50 : 2011/BNNPTNT

Lời nói đầu

QCVN 01–50 : 2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số **45** /2011/TT-BNNPTNT ngày **24** tháng **6** năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Three Line Hybrid Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thuộc loài *Oryza sativa* (L.) gồm dòng bất dục đực (A), dòng duy trì (B), dòng phục hồi (R) và hạt lai (F₁) trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh giống lúa lai ba dòng tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng nhân dòng bất dục đực A, dòng duy trì B, dòng phục hồi R và sản xuất hạt lai F₁ phải sạch cỏ dại, lúa vụ trước và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng nhân dòng bất dục đực A, dòng duy trì B, dòng phục hồi R và sản xuất hạt lai F₁ phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ít nhất bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu cách ly

Ruộng sản xuất	Phương pháp cách ly		
	Không gian	Thời gian	Vật cản
Dòng A	- Chọn dòng: ít nhất 500 m - Nhân dòng: ít nhất 300 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi núi, ...).
Dòng B	- Chọn dòng: ít nhất 50 m - Nhân dòng: ít nhất 20 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m.
Dòng R	- Chọn dòng: ít nhất 20 m - Nhân dòng: ít nhất 3 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m.
Hạt lai F ₁	ít nhất 100 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m.

2.1.3. Độ thuần giống

Tại mỗi lần kiểm định, ruộng sản xuất giống lúa lai ba dòng phải đạt độ thuần giống theo quy định ở Bảng 2.

Bảng 2 – Chỉ tiêu chất lượng ruộng giống

Cấp giống, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng			Ruộng sản xuất hạt lai F ₁
	A	B	R	
Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	100	100	100	-
Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	99,9	99,9	99,9	-
Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	99,7	99,7	99,7

2.1.4. Độ bất dục đực của dòng A

Tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng A trên ruộng nhân dòng A phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 3.

Bảng 3 - Yêu cầu về tỷ lệ hạt phần hữu dục và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng nhân dòng A

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận
Tỷ lệ hạt phần hữu dục, % số hạt, không lớn hơn	0	0,1	0,5
Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn	0	0,1	0,3

2.1.5. Cỏ dại

Tại mỗi lần kiểm định phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 4

Bảng 4 - Yêu cầu về cỏ dại trên đồng ruộng

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, mẹ			Ruộng sản xuất hạt lai F ₁
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	
Cỏ dại nguy hại ^a , số cây /100m ² , không lớn hơn	0	1	3	5

CHÚ THÍCH: ^a Cỏ lồng vực cạn (*Echinochloa colona*); cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli*); cỏ lồng vực tím (*Echinochloa glabrescens*); cỏ đuôi phượng (*Lepochloa chinensis*); lúa cỏ (*Oryza sativa* L. var. *fatua* Prain).

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 5.

Bảng 5 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Dòng A, B			Dòng R			Hạt lai F ₁
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	
Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	98,0
Hạt cỏ dại, số hạt /kg, không lớn hơn	0	5	10	0	5	10	10
Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn	0	0,01	0,05	0	0,05	0,25	0.30
Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80	80	80	80	80
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống lúa lai ba dòng quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Sau khi cấy hoặc gieo thẳng từ 10 ngày đến 20 ngày;
- Lần 2: Khi lúa trổ từ 1% đến 5%;
- Lần 3: Khi lúa trổ từ 50% đến 70%;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống lúa lai ba dòng theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống lúa lai ba dòng trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống lúa lai ba dòng phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống lúa lai hai dòng phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý hạt giống lúa lai ba dòng, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
